TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ UÔNG BÍ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23-01-2018

V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đồng.

+ Các Hội thẩm Tòa án nhân dân: Bà Đặng Thị Vui và bà Vũ Thị Xuyến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Kiêu, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 355/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2017 về việc: ***"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"***, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị T, sinh năm 1984.

Nơi ĐKHKTT: Tổ 4B, khu 2, phường B, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Địa chỉ hiện nay: Thôn Q, xã T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên toà.

2. Bị đơn: Anh Lê Anh T (Tên gọi khác là T1), sinh năm 1978.

Nơi ĐKHKTT: Tổ 4B, khu 2, phường B, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, hiện đang chấp hành án tại Trại giam H, thị xã C, tỉnh Hải Dương, vắng mặt tại phiên toà (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 09 tháng 9 năm 2017, bản tự khai ngày 22 tháng 11 năm 2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn chị Trương Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi (Trương Thị T) và anh Lê Anh T kết hôn ngày 16 tháng 7 năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường B, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, chúng tôi kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được tìm hiểu nhau trước khi kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng về quan điểm sống, anh T mải chơi, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình, vợ con và nghiện chất ma túy. Từ đó, vợ chồng thường xuyên cãi vã và đánh nhau khiến không khí gia đình căng thẳng, nặng nề. Mâu thuẫn đã được gia đình nội, ngoại khuyên can, nhắc nhở nhiều lần nhưng anh T không sửa đổi tính cách. Anh T làm cho tôi thấy thất vọng và mất niềm tin vào cuộc sống. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và không thể hàn gắn được. Chúng tôi đã ly thân từ năm 2014 đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống riêng của ai. Anh T đã phải đi cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Quảng Ninh từ tháng 12 năm 2015 và hiện nay lại đang chấp hành hình phạt tù tại Trại Giam H, thị xã C, tỉnh Hải Dương. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tôi yêu cầu Tòa án cho tôi ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Chúng tôi có 02 con chung tên là Lê Anh T2, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2004 và Lê Quốc K, sinh ngày 25 tháng 6 năm 2006, nếu Toà án giải quyết cho chúng tôi được ly hôn, tôi (Trương Thị T) nhận nuôi hai con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tôi (Trương Thị T) không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 02 tháng 01 năm 2018, lập tại Trại giam H, nơi anh Lê Anh T đang chấp hành án. Anh Lê Anh T có lời khai với nội dung cơ bản giống như chị Trương Thị T đã trình bày, anh T có quan điểm như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Anh T đồng ý ly hôn với chị Trương Thị T.
- Về nuôi con chung: Anh Lê Anh T đồng ý giao 02 con chung Lê Anh T2 và Lê Quốc K cho chị Trương Thị T trực tiếp nuôi, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản xác minh ngày 01-12-2017 lập tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Quảng Ninh, cung cấp học viên Lê Anh T đã ra khỏi cơ sở cai nghiện từ ngày 24-10-2016 theo Quyết định tạm đình chỉ chấp hành biện pháp xử lý hành chính số 04/QĐ - TA ngày 22-11-2016 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ninh với lý do ốm nặng. Tại biên bản xác minh ngày 12-12-2017 lập tại Công an phường B, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh và khu phố cũng xác nhận: Sau khi được tạm đình chỉ về nhà chữa bệnh, Lê Anh T đã vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh xét xử về hành vi: "Tàng trữ trái phép chất ma túy" tại bản án số: 12/2017/HSST ngày 23-02-2017 và hiện

đang chấp hành án tại Trại giam H, thị xã C, tỉnh Hải Dương. Ngày 22 tháng 11 năm 2017, Tòa án cũng đã lấy lời khai của cháu Lê Anh T2 và Lê Quốc K, nguyện vọng của cháu T2 và cháu K là nếu Toà án giải quyết cho bố mẹ các cháu ly hôn, hai cháu muốn được ở với chị Trương Thị T. Tại biên bản ghi lời khai ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Toà án, bà Nguyễn Thị T là mẹ của anh Lê Anh T cung cấp thông tin trong đời sống hôn nhân của chị Trương Thị T và anh Lê Anh T có nhiều mâu thuẫn, bất đồng xảy ra, gia đình đã khuyên can hoà giải nhiều lần nhưng không được, hai người đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị Trương Thị T có đơn xin ly hôn với anh Lê Anh T, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt đề ngày 09 tháng 01 năm 2018, có xác nhận của Trại giam H, thị xã C, tỉnh Hải Dương anh Lê Anh T đề nghị Toà án xét xử vắng mặt và có quan điểm như sau: Anh Lê Anh T đề nghị Toà án giải quyết cho được ly hôn với chị Trương Thị T; giao hai con chung cho chị Trương Thị T trực tiếp nuôi, anh Lê Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung anh Lê Anh T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của pháp luật; xác định đúng quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án. Nguyên đơn chấp hành pháp luật đầy đủ, kể từ lúc Toà án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ pháp luật trong quá trình hòa giải.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc xin ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn của chị Trương Thị T với anh Lê Anh T; giao con chung Lê Anh T2, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2004 và Lê Quốc K, sinh ngày 25 tháng 6 năm 2006 cho chị Trương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 01 năm 2018 cho đến khi con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Lê Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng có quyền và nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung theo quy định của pháp luật; chị Trương Thị T phải nộp án phí tranh chấp ly hôn sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của các đương sự, đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn giữa chị Trương Thị T và anh Lê Anh T là những người có hộ khẩu thường trú tại thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án thành phố Uông Bí là có cơ sở để xem xét giải quyết theo quy định tại: Khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Lê Anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung cần giải quyết của vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Mâu thuẫn giữa chị Trương Thị T và anh Lê Anh T đã trầm trọng, kéo dài. Hai bên không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính nết, tình cảm không hoà hợp, vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống. Mâu thuẫn của họ đã được gia đình nội, ngoại hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Hai bên đương sự ly thân từ năm 2014 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống riêng của ai. Mặt khác cả hai đương sự đều đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị T đối với anh Lê Anh T là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Cả hai đương sự đều có quan điểm chị Trương Thị T trực tiếp nuôi hai con chung Lê Anh T2 và Lê Quốc K, anh Lê Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, quan điểm của các đương sự cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung, phù hợp với điều kiện kinh tế của như khả năng nuôi dạy con chung của chị Trương Thị T nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, giao hai con chung Lê Anh T2, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2004 và Lê Quốc K, sinh ngày 25 tháng 6 năm 2006 cho chị Trương Thị T trực tiếp nuôi kể từ tháng 02/2018 cho đến khi con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Lê Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng cũng có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở và còn có quyền yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu chị Trương Thị T không có khả năng nuôi dưỡng con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị T phải nộp theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn của chị Trương Thị T đối với anh Lê Anh T.

2. Xử:

2.1. Chị Trương Thị T được ly hôn anh Lê Anh T.

2.2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung Lê Anh T2, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2004 và Lê Quốc K, sinh ngày 25 tháng 6 năm 2006 cho chị Trương Thị T trực tiếp nuôi kể từ tháng 02/2018 cho đến khi con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị Trương Thị T có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi dưỡng con tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện cấp dưỡng nuôi con và còn có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con chung của anh Lê Anh T nếu anh Lê Anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Anh Lê Anh T không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung, có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Đồng thời anh Lê Anh T có quyền yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu chị Trương Thị T không có khả năng nuôi dưỡng con chung.

2.3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị T phải nộp 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) vào ngân sách Nhà nước (Chị Trương Thị T được khấu trừ án phí bằng tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^{đ} theo biên lai thu 0000166 ngày 16 tháng 11 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn chị Trương Thị T biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, ngày 23 tháng 01 năm 2018; vắng mặt bị đơn, báo cho anh Lê Anh T biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Q. Ninh*
- *VKS (Tỉnh, TP)*
- *THA thành phố.*
- *Lưu án văn - Lưu hồ sơ*
- *Các đương sự.*
- *UBND phường Bắc Sơn, TP. Uông Bí..*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Đồng